TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Ông Đỗ Đức Nhân

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX-ST ngày 26/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/03/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 08/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 6x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Ông Phạm Duy H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ 6x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Bà Nh có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nh có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh kết hôn với ông Phạm Duy H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào năm 1984. Bà không xuất trình được cho Tòa án Giấy

chứng nhận kết hôn vì đã bị thất lạc song bà có xin xác nhận của Uỷ ban nhân dân thị trấn Q về việc đã đăng ký kết hôn với ông H vào thời gian nêu trên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ 6, thị thấn Q, huyện Quỳnh Phụ. Bà Nh cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách vì ông H hay nghi ngờ bà trong chuyện tình cảm và có lời lẽ miệt thị, xúc phạm bà. Sống cùng ông H, bà luôn cảm thấy căng thẳng, bất an, ảnh hưởng đến sức khỏe. Vợ chồng tuy không ly thân nhưng bà nhận thấy không thể chung sống với ông H được nữa. Nay con cái đều đã trưởng thành, bà cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Duy H.

Về con chung: Bà Nh trình bày, bà và ông H có hai con chung là chị Phạm Thị Th, sinh ngày 27/12/1984 và anh Phạm Văn H1, sinh ngày 23/12/1987. Hiện nay chị Thúy đã xây dựng gia đình và ở riêng còn anh Hiếu đã trưởng thành, đi làm ăn xa nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải lần thứ nhất (ngày 10/01/2020), bị đơn là ông Phạm Duy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Duy H xác nhận về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn như Bà Nh trình bày là đúng. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1984 nhưng bị mất giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 6x, thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Nay Bà Nh xin ly hôn, ông không nhất trí. Ông muốn vợ chồng đoàn tụ để gia đình được êm ấm và giữ gìn cho con cái.

Về con chung: Ông H xác nhận vợ chồng có hai con chung đúng như Bà Nh trình bày. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Kết quả xác minh tại tổ 6x, thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ thể hiện: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Duy H là hợp pháp. Quá trình chung sống, mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng Bà Nh, ông H như thế nào tổ dân phố không nắm rõ. Hiện nay Bà Nh, ông H vẫn ở chung một nhà. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị Th, sinh năm 1984 và Phạm Văn H1, sinh năm 1987. Hai con chung đều đã trên 18 tuổi và đi làm ăn, không sống cùng Bà Nh, ông H. Về tài sản chung của vợ chồng: Tổ dân phố không nắm được. Tổ dân phố đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ vì cả hai đều đã lớn tuổi, nếu hòa giải không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ cũng xác nhận hôn nhân của Bà Nh, ông H được xác lập từ năm 1984.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ

khi Tòa án thụ lý đến hết phiên hòa giải lần thứ nhất, còn sau thời điểm đó đến khi Tòa án mở phiên tòa bị đơn đều vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ là chưa chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Duy H là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự đều có địa chỉ cư trú tại tổ 6, thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có mặt tại địa phương, có bản tự khai và có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất (ngày 10/01/2020). Nhưng từ phiên họp lần thứ hai đến nay, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2); Thông báo kết quả phiên họp (lần 2); Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa…nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Bà Nh, ông H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không thực sự thấu hiểu, chia sẻ và cảm thông với nhau. Bà Nh cho rằng vợ chồng thường xuyên không hòa hợp, ông H hay nghi ngờ và có lời lẽ miệt thị bà khiến cho bà cảm thấy mệt mỏi, căng thẳng, bất an. Ông H cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên để vợ chồng về đoàn tụ song Bà Nh vẫn kiên quyết xin ly hôn. Bản thân ông H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hữu hiệu để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ sau phiên hòa giải lần thứ nhất, ông H không đến tham gia tố tụng và không tiếp tục bày tỏ quan điểm của mình. Điều này chứng tỏ ông H cũng không thực sự quyết tâm để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Nh, ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do

đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nh, xử cho Bà Nh được ly hôn ông H là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Duy H có hai con chung là chị Phạm Thị Th, sinh ngày 27/12/1984 và anh Phạm Văn H1, sinh ngày 23/12/1987. Hiện nay chị Thúy, anh Hiếu đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên Bà Nh, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nh, ông H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn ông Phạm Duy H.

2. Về quan hệ con chung: Không đặt ra để giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0004265 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Bà Nh đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Duy H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;*
- *UBND thị trấn Q, h. Quỳnh Phụ (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phượng